

**BẢNG GIÁ THUỐC KHOA DƯỢC
THÁNG 9/2026**

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	Glucose 30%	Glucose	Chai	12,890
2	Magnesi sulfat Kabi 15%	Magnesi sulfat	Ống	2,900
3	Glucolyte-2	Natri clorid + kali clorid + monobasic kali phosphat +	Túi	17,000
4	Smoflipid 20%	Nhũ dịch lipid	Chai	170,000
5	Acetate Ringer	Ringer acetat	Chai	15,500
6	Lactated Ringer's	Ringer lactat	Chai	6,500
7	Ringer's Lactate	Ringer lactat	Túi	20,000
8	Daleston-D	Betamethasone + dexchlorpheniramin	Chai	31,500
9	Depaxan	Dexamethason	Ống	24,000
10	Dexamethasone	Dexamethason	Ống	670
11	Kapredin	Methyl prednisolon	Viên	482
12	Lyo-Drol	Methyl prednisolon	Lọ	33,495
13	Mebikol	Methyl prednisolon	Viên	639
14	Medrol	Methylprednisolon	Viên	3,930
15	Adelone	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Lọ	36,250
16	Ephedrine Hydrochloride Injection 30 mg in 1 ml	Ephedrin	Ống	57,750
17	Agi-Calci	Calci carbonat + vitamin D3	Viên	1,400
18	Agi-vitac	Vitamin C	Viên	140
19	Bogotop	Bilastine	Viên	9,000
20	Dareq	Desloratadin	Viên	5,160
21	Desloratadine Danapha	Desloratadin	Chai	11,800

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
22	Adrenalin	Epinephrin (adrenalin)	Ống	1,200
23	Bivixifen 60	Fexofenadin	Viên	208
24	Lorastad 10 Tab.	Loratadin	Viên	850
25	Imefed 500mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	9,400
26	Imefed DT 250mg/31,25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên	8,200
27	Imefed DT 875mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên	12,000
28	Vigentin 500mg/62,5mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	3,675
29	Ceclor	Cefaclor	Viên	18,860
30	Ceplorvpc 500	Cefaclor	Viên	8,400
31	Metiny	Cefaclor	Viên	9,900
32	Osvimec 300	Cefdinir	Viên	10,650
33	Effixent	Cefixim	Viên	23,200
34	Imedoxim 200	Cefpodoxim	Viên	9,800
35	Ceftrione 1g	Ceftriaxon	Lọ	5,586
36	Cefuroxime 125mg	Cefuroxim	Gói	1,545
37	Negacef 500	Cefuroxim	Viên	5,230
38	Cetraxal	Ciprofloxacin	Ống	8,600
39	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	Viên	433
40	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	Viên	709
41	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin	Túi	36,435
42	Cravit 1.5%	Levofloxacin	Lọ	115,999
43	Metronidazol	Metronidazol	Viên	115
44	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazol	Túi	5,500
45	Metronidazole/Vioser	Metronidazol	Chai	17,000
46	Mepoly	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Lọ	39,000

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
47	Infecin 3 M.I.U	Spiramycin	Viên	7,000
48	Vanconex (Vancomycin Hydrochloride for Injection)	Vancomycin	Lọ	29,650
49	Vacodomtium 10	Domperidon	Viên	52
50	Aciclovir 800mg	Aciclovir	Viên	931
51	Acyclovir 3%	Aciclovir	Tuýp	45,500
52	Ventinos	Budesonid	Chai	65,000
53	Bromhexin	Bromhexin hydrochlorid	Viên	31
54	Acecyst	N-acetylcystein	Viên	155
55	Acetylcysteine 200mg	N-acetylcystein	Gói	399
56	Elaria	Diclofenac	Ống	9,900
57	Acular	Ketorolac	Lọ	67,244
58	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol	Túi	8,190
59	Hapacol 150	Paracetamol (acetaminophen)	Gói	678
60	Hapacol 325	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	190
61	Panactol 325mg	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	62
62	Paracetamol 500 mg	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	150
63	Partamol 500 Cap	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	950
64	Lidocaine Aguettant 20 mg/mL (preservative free)	Lidocain	Ống	38,800
65	Lignospan Standard	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	Ống	14,900
66	Lidocain	Lidocain hydroclorid	Ống	467
67	Alcaine 0,5%	Proparacain	Lọ	39,379
68	Fresofol 1% MCT/LCT	Propofol	ml	1,510
69	Pamagel	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Gói	3,850
70	Vacoomez 40	Omeprazol	Viên	252
71	Betahistin	Betahistin	Viên	163

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
72	Meseca Advanced	Fluticason furoat	Lọ	108,000
73	Naphazolin 0,05%	Naphazolin	Chai	2,940
74	Xylometazolin 0,05%	Xylometazolin	Lọ	2,435
75	Povidon iodin 10%	Povidon iodin	Chai	8,750
76	Lumigan	Bimatoprost	Lọ	252,079
77	BRIMOGAN	Brimonidin tartrat	Lọ	114,450
78	Combigan	Brimonidin tartrat + timolol	Lọ	183,515
79	Azopt	Brinzolamid	Lọ	116,699
80	Azarga	Brinzolamid + timolol	Lọ	310,800
81	Restasis	Cyclosporin	Ống	17,906
82	Indocollyre	Indomethacin	Lọ	68,000
83	Taxedac Eye Drops	Moxifloxacin + dexamethason	Lọ	19,679
84	Diquas	Natri diquafosol	Lọ	129,675
85	Nevanac	Nepafenac	Lọ	152,999
86	Lucentis	Ranibizumab	Lọ	13,125,021
87	Mydrin-P	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	Lọ	67,499
88	Captopril STELLA 25 mg	Captopril	Viên	450
89	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin	Ống	125,000
90	Benzina 10	Flunarizin	Viên	2,400
91	Flunarizine 5mg	Flunarizin	Viên	205
92	MIRENZINE 5	Flunarizin	Viên	1,250
93	Kalium Chloratum Biomedica	Kali clorid	Viên	1,785
94	Gabapentin 300mg	Gabapentin	Viên	3,355
95	Glyceryl trinitrate 1mg/ml	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Ống	105,000
96	BFS-Neostigmine 0.25	Neostigmin metylsulfat	Ống	5,460

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
97	Effergal	Paracetamol	Viên	2,373
98	Ceftazidime 1000	Ceftazidim	Lọ	14,763
99	Crutit	Clarithromycin	Viên	8,300
100	Raxadin	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) +	Lọ	61,150
101	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Viên	7,266
102	Meloxicam-Teva 7.5mg	Meloxicam	Viên	788
103	Curam 1000mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat 1005mg)	Viên	5,946
104	Cepmox-Clav 875 mg/125 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat)	Viên	5,250
105	Tenamyd-Cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	Lọ	11,361
106	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Lọ	19,488
107	Clarithromycin Stella 500 mg	Clarithromycin	Viên	3,741
108	Ozanier 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Viên	1,000
109	Merovia	Meropenem	Lọ	57,750
110	Mikrobiel 400mg/250ml	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin Hydrochlorid)	Chai	147,000
111	Haxium 40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol pellets 22,5% (vi	Viên	840
112	Negacef 250	Cefuroxim	Viên	2,990
113	Coxnis	Meloxicam	Viên	176
114	Cerahead	Piracetam	Viên	669
115	ACID AMIN 5%	Acid amin*	Chai	53,000
116	Glucose 30%	Glucose	Chai	10,878
117	Glucose 5%	Glucose	Chai	7,035
118	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Chai	6,153
119	Sodium Chloride	Natri clorid	Chai	19,500
120	Kali Clorid	Kali clorid	Viên	700
121	Vinphason	Hydrocortison	Lọ	5,900

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
122	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	Ống	18,900
123	AGI-CALCI	Calci carbonat + vitamin D3	Viên	1,422
124	AGIRENYL	Vitamin A	Viên	225
125	Clorpheniramin	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Viên	41
126	Aerius	Desloratadin	Chai	78,899
127	BASTINFAST 20	Ebastin	Viên	3,050
128	Adrenalin	Epinephrin (adrenalin)	Ống	1,285
129	Danapha-Telfadin 180	Fexofenadin	Viên	4,150
130	Fegra 120mg	Fexofenadin	Viên	3,500
131	Ketotifen Helcor 1mg	Ketotifen	Viên	5,400
132	Clanoz	Loratadin	Viên	284
133	PIPOLPHEN	Promethazin hydroclorid	Ống	15,000
134	Klamentin 500/62.5	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	3,426
135	Cefaclor Stada 500mg capsules	Cefaclor	Viên	8,100
136	Ceplorvpc 500	Cefaclor	Viên	8,100
137	METINY	Cefaclor	Viên	9,900
138	Cefixime 200mg	Cefixim	Viên	5,920
139	Ceraapix	Cefoperazon	Lọ	46,000
140	Cefuroxime 125mg	Cefuroxim	Gói	1,617
141	AGICLARI 500	Clarithromycin	Viên	1,890
142	Letdion	Levofloxacin	Lọ	84,000
143	Metronidazol	Metronidazol	Viên	132
144	MEPOLY	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Lọ	37,000
145	Oflovid Ophthalmic Ointment	Ofloxacin	Tuýp	74,529
146	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Ofloxacin	Lọ	52,900

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
147	ROVAGI 1,5	Spiramycin	Viên	1,365
148	ROVAGI 3	Spiramycin	Viên	3,100
149	Daphazyl	Spiramycin + metronidazol	Viên	1,495
150	Domreme	Domperidon	Viên	1,000
151	Medskin Clovir 800	Aciclovir	Viên	3,200
152	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Ống	80,283
153	ETODAGIM	Etodolac	Viên	1,050
154	Loxoprofen 60mg	Loxoprofen	Viên	437
155	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol (acetaminophen)	Chai, túi	9,400
156	LIDOCAIN	Lidocain hydroclodrid;	Lọ	159,000
157	Seaoflura	Sevofluran	ml	6,153
158	Suopinchon Injection	Furosemid	Ống	4,200
159	Cồn Boric 3%	Cồn boric	Chai	6,300
160	Otipax	Phenazon + lidocain hydroclorid	Lọ	53,999
161	Haemostop 250mg/5ml	Tranexamic acid	Ống	6,445
162	Zentanil 500mg/5ml	Acetyl leucin	Lọ	12,000
163	ACETAZOLAMID	Acetazolamid	Viên	974
164	Refresh Tears	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	Lọ	64,100
165	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	Lọ	1,320
166	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat	Lọ	126,000
167	Pataday	Olopatadin hydroclorid	Chai	131,099
168	Systane Ultra	Polyethylen glycol + propylen glycol	Lọ	60,100
169	TETRACAIN 0,5%	Tetracain	Chai	15,015
170	Mydrin-P	Tropicamide + phenylephrine hydroclorid	Lọ	67,499
171	Digoxin/Anfarm	Digoxin	Ống	24,500

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
172	Dobutamine-hameln 12.5mg/ml Iniection	Dobutamin	Ống	79,800
173	Kavasdin 5	Amlodipin	Viên	98
174	Nifedipin T20 retard	Nifedipin	Viên	540
175	Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	Ống	350
176	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	Tuýp	52,299
177	Lignospan Standard	Lidocain hydroclorid + Epinephrin (Adrenalin) tartrat	Ống	15,484
178	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Fentanyl	Ống	11,290
179	Naphazolin 0,05% Danapha	Naphazolin	Lọ	2,625

An Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2026

TRƯỞNG KHOA DƯỢC



DSCKI. Phan Thanh Bình